TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 24 - 4 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thắng và bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2023/TLST- TCDS ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-TCDS ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Thanh T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Nam C, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Đoàn Nguyên H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Chị Lê Thị Lan P; sinh năm 1990

Địa chỉ: 25 Hà Văn Cách, tổ dân phố 9, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Thanh T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết, làm ăn chung với anh Nguyễn Nam C nên anh có cho anh C mượn tiền nhiều lần để lấy hàng và xử lý việc cá nhân. Khi anh yêu cầu anh C trả tiền thì anh C đề nghị viết giấy mượn tiền và thương lượng trả. Trong đó có 02 giấy mượn tiền với nội dung lần lượt vay số tiền là 63.975.000 đồng, lãi suất 8%/năm và 73.000.000 đồng, cam kết mỗi tháng trả 7.000.000 đồng. Tổng số tiền anh đã giao cho anh C là 136.975.000 đồng. Đến nay, anh C không thực hiện cam kết và chưa trả cho anh số tiền nêu trên mặc dù anh đã nhắc nhở nhiều lần. Vì vậy, anh khởi kiện đề nghị anh C trả cho anh số tiền 136.975.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh Tùng chỉ yêu cầu anh C trả cho anh số tiền 45.000.000 đồng trong 01 lần.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Nam C trình bày:

Sau thời gian quen biết và làm việc, anh Hoàng Thanh T xin anh chung cổ phần để làm ăn kinh doanh với nhau về ngành nội thất ô tô với điện kiện anh T đưa cho anh một nửa tiền thuê mặt bằng là 24.000.000 đồng, một nửa tiền anh đã xây dựng hoàn thiện cửa hàng là 30.000.000 đồng và một số hàng hóa còn tồn đọng tại quán gần 20.000.000 đồng. Anh thừa nhận anh có viết 02 giấy nhận tiền mà anh T trình bày nhưng thực tế anh chưa hề nhận tiền của anh T kể từ ngày viết giấy. Trong số tiền 136.975.000 đồng mà anh T trình bày thì anh thừa nhận anh có vay cá nhân của anh T 15.000.000 đồng, còn lại số tiền 121.975.000 đồng là anh T cộng tiền từ ngày làm ăn chung với nhau bao gồm tiền hàng hóa đặt về, tiền khách nợ và hàng còn tồn đọng tại quán. Tuy nhiên, quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh thống nhất trả cho anh T số tiền là 45.000.000 đồng và đề xuất phương án hàng tháng trả cho anh T số tiền 500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền trên

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Nguyên Hạnh trình bày:

Chị thống nhất như trình bày của anh T về quá trình mượn tiền, đề nghị anh C trả lại cho vợ chồng chị số tiền 45.000.000 đồng trong 01 lần.

-Tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Lan P trình bày:

Chị mong muốn các bên cùng thỏa thuận, hòa giải để tiếp tục phát triển công việc và không có ý kiến gì thêm về việc mượn tiền, trả tiền giữa anh T và anh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm*:*

+ Về thủ tục tố tụng:

Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Lan P nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Lan P.

+ Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các bên về số tiền anh Nguyễn Nam C vay của anh Hoàng Thanh T là 45.000.000 đồng, buộc anh C có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 45.000.000 đồng.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định "Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án", buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên Tòa:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh Hoàng Thanh T có đơn yêu cầu anh Nguyễn Nam C trả tiền, việc mượn tiền giữa các bên đã được lập thành văn bản. Đây là tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Anh Nguyễn Nam C cư trú tại Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa chị Lê Thị Lan P vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Lan P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Nguyễn Nam C trả lại số tiền 136.795.000 đồng

Xét thấy, Giấy mượn tiền ngày 07/3/2023 và ngày 30/4/2023 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có chữ ký của bên mượn tiền anh Nguyễn Nam C, không vi phạm

điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hoặc ép buộc nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T cho rằng anh C đã mượn tiền của anh 02 lần: Ngày 07/3/2023 mượn 63.975.000 đồng, lãi suất 8%/năm và ngày 30/4/2023 mượn 73.000.000 đồng, cam kết mỗi tháng trả 7.000.000 đồng. Tổng số tiền anh C mượn của anh là 136.975.000 đồng, còn anh C cho rằng trong số tiền 136.975.000 đồng mà anh T trình bày anh mượn của anh T thì anh chỉ có vay cá nhân của anh T 15.000.000 đồng, còn lại số tiền 121.975.000 đồng là anh T cộng tiền từ ngày làm ăn chung với nhau bao gồm tiền hàng hóa đặt về, tiền khách nợ và hàng còn tồn đọng tại quán. Tuy nhiên, quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa anh T và anh C thống nhất thỏa thuận, hiện tại anh C còn nợ anh T số tiền 45.000.000 đồng, anh C xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng anh T không đồng ý. Xét thấy đây là thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần căn cứ vào Điều 246 Bộ luật Dân sự, công nhận sự thỏa thuận của hai bên. Tại phiên tòa anh C xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng anh T không đồng ý. Như vậy, việc anh C chậm trả nợ tiền cho anh T đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ cần được chấp nhận, buộc anh Nguyễn Nam C có trách nhiệm trả nợ số tiền 45.000.000 đồng cho anh Hoàng Thanh T là có căn cứ và đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Các bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định "Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án"

1. Xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Lan P;

2. Công nhận sự thỏa thuận của hai bên, anh Nguyễn Nam C còn nợ anh Hoàng Thanh T số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Buộc anh

Nguyễn Nam C có nghĩa vụ trả nợ số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) cho anh Hoàng Thanh T

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Nam C và anh Hoàng Thanh T mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.125.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại cho anh Hoàng Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.408.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003644 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4. Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKS nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà